TỈNH UỶ QUẢNG TRỊ
BAN CHỈ ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH
*
Số **01**-BC/BCĐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Trị, ngày 09 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quý III năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cuối năm 2026

Trong quý III năm 2026, Ban Chỉ đạo 57 tỉnh tập trung kiện toàn tổ chức, triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đạt kết quả về dịch vụ công, dữ liệu và ứng dụng công nghệ. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chưa đồng đều, giải ngân thấp, hạ tầng cơ sở còn hạn chế; việc chuyển kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, giá trị kinh tế còn chậm. Cụ thể:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Hoạt động chỉ đạo, điều hành

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 831-QĐ/TU ngày 05/9/2026 kiện toàn Ban Chỉ đạo tỉnh. Ban Chỉ đạo 57 tỉnh, Cơ quan Thường trực ban hành **15** văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn; UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo 57 của UBND tỉnh ban hành **hơn 100** văn bản cụ thể hóa nhiệm vụ. Tập trung tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh; triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày tháo gỡ điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị, Phong trào "Bình dân học vụ số", 04 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử, số hóa hồ sơ đảng viên và phần mềm Phòng họp không giấy... Cơ quan Thường trực, Tổ giúp việc duy trì tham mưu, theo dõi, đôn đốc, rà soát, phân loại nhiệm vụ theo tiến độ; yêu cầu cập nhật kết quả, sản phẩm, minh chứng trên hệ thống và duy trì chế độ báo cáo.

Hướng dẫn thống nhất mô hình Ban Chỉ đạo 57 cấp xã do Bí thư đảng ủy làm Trưởng ban, Chủ tịch UBND làm Phó Trưởng ban Thường trực, Công an cấp xã là Cơ quan Thường trực. Đến ngày 29/9/2026, **77/78** đơn vị cấp xã hoàn thành kiện toàn[1].

2. Công tác kiểm tra, giám sát

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy duy trì giám sát thường xuyên, tập trung vào tiến độ, chất lượng sản phẩm, số liệu, minh chứng và trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời kiến nghị khắc phục hạn chế. Đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập, triển khai **10 đoàn kiểm tra** đối với 78 tổ chức đảng trực thuộc, trong đó có nội dung

[1] Riêng xã Hòa Trạch chưa hoàn thành.

thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; tham mưu báo cáo và thông báo kết luận các chuyên đề.

Đến tháng 9/2026, đã hoàn thành **02 cuộc giám sát** đối với Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh và Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, trong đó có nội dung thực hiện Kế hoạch số 09-KH/TU. Đồng thời, đã xây dựng dự thảo quyết định, kế hoạch giám sát đối với 09 tổ chức đảng và 03 đảng viên theo Kế hoạch số 34-KH/UBKTTW ngày 06/8/2026 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Tiến độ thực hiện các nhóm nhiệm vụ

Nhóm nhiệm vụ	Tổng số	Kết quả, trạng thái
Trung ương giao	277	174 hoàn thành; 99 thường xuyên; 04 đang thực hiện.
Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh	52	24 hoàn thành (03 hoàn thành chậm); 28 đang thực hiện. Trong tổng số có 08 nhiệm vụ thường xuyên.
Kế hoạch 100 ngày của Trung ương	11	06 hoàn thành có sản phẩm đầu ra; 05 đang triển khai.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III, IV; thời điểm cập nhật được xác định theo từng nhóm nhiệm vụ)

II. KẾT QUẢ THEO NHÓM LĨNH VỰC

1. Thể chế và nguồn nhân lực

Đến tháng 9/2026, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành **06 nghị quyết**[2]; ban hành **11 quyết định** về cơ chế, chính sách và nguồn lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Cơ quan chuyên môn đã thẩm định 05 văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền ban hành trong năm 2026. Tiếp tục chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm xử lý các nhiệm vụ chuyển tiếp.

UBND tỉnh đã phê duyệt 39 trường hợp hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP, gồm 17 công chức, 18 viên chức cấp tỉnh và 04 công chức cấp xã; giao quyền phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ cho người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi được giao quyền tại Công văn số 3640/UBND-NC ngày 23/7/2026; đồng thời, tiếp tục rà soát vị trí việc làm, đối tượng hưởng hỗ trợ và nghiên cứu chính sách thu hút, đãi ngộ nhân lực khoa học, công nghệ, chuyển

[2] Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 20/5/2026 ban hành quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp đối với một số loại lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất nông nghiệp gắn với đẩy mạnh cơ giới hoá, hiện đại hoá sản xuất; phát triển vùng nguyên liệu nông nghiệp, thủy sản bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 28/2026/ND-HĐND ngày 17/7/2026 quy định một số nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 29/2026/ND-HĐND ngày 17/7/2026 quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 về giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 cho các dự án khởi công mới lĩnh vực khoa học và chuyển đổi số.

đổi số. Bố trí 25/30 vị trí chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh; 78/78 xã, phường, đặc khu có công chức phụ trách. Trong 9 tháng đầu năm 2026, tổ chức 28 lớp bồi dưỡng, tập huấn với 2.700 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia.

2. Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

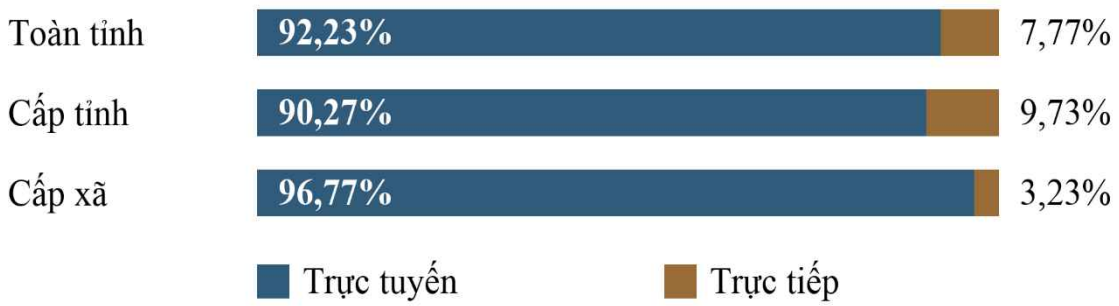
- Đến ngày 12/9/2026, tỉnh có **2.079 thủ tục hành chính**, gồm 1.682 thủ tục cấp tỉnh và 397 thủ tục cấp xã; cung cấp 2.063 dịch vụ công trực tuyến, đạt 99,2%, trong đó 1.627 toàn trình, 436 một phần. Đã phê duyệt 100% thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Trong quý III/2026, toàn tỉnh tiếp nhận 71.374 hồ sơ, gồm 65.828 hồ sơ trực tuyến (92,23%) và 5.546 hồ sơ trực tiếp (7,77%). Trong số hồ sơ trực tuyến, có 44.737 hồ sơ toàn trình (67,96%) và 21.091 hồ sơ một phần (32,04%). Cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Tiếp nhận 49.880 hồ sơ; trực tuyến 45.029 hồ sơ (90,27%), gồm 39.132 toàn trình (86,90%) và 5.897 một phần (13,10%); trực tiếp 4.851 hồ sơ (9,73%).

+ Cấp xã: Tiếp nhận 21.494 hồ sơ; trực tuyến 20.799 hồ sơ (96,77%), gồm 5.605 toàn trình (26,95%) và 15.194 một phần (73,05%); trực tiếp 695 hồ sơ (3,23%).

Tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ quý III/2026



(Tỷ lệ toàn trình, một phần tính trên số hồ sơ trực tuyến tương ứng; không phải trên tổng số hồ sơ tiếp nhận)

- Tỷ lệ xử lý hồ sơ trước và đúng hạn đạt **98,73%**; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt **100%**; cấp kết quả điện tử đạt **95,02%**; tái sử dụng dữ liệu đạt **97,42%**. Khoảng **12.000 hồ sơ** được thực hiện theo cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

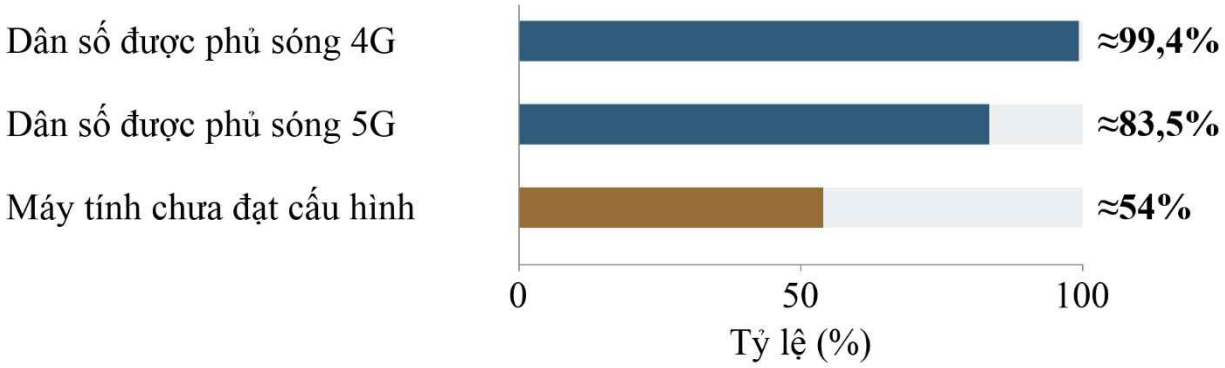
3. Hạ tầng và nền tảng số dùng chung

- Hạ tầng viễn thông tiếp tục được mở rộng; mạng 4G phủ khoảng 99,4% dân số, mạng 5G phủ khoảng 83,5%, với 563 trạm đang hoạt động. Theo báo cáo, còn 03 bản và 04 điểm trường lõm sóng băng rộng di động, tuy nhiên cần phải kiểm tra kết quả khắc phục thực tế.

- Thiết bị cơ quan nhà nước: 100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị

máy tính, tuy nhiên khoảng 54% máy tính chưa đáp ứng cấu hình tối thiểu[3]; tỉnh đã tổng hợp nhu cầu thiết bị tại 78 xã, phường, tiếp tục rà soát hiện trạng, khả năng điều chuyển, nâng cấp và nhu cầu mua sắm.

Mức phủ sóng và chất lượng thiết bị



- IOC và Trung tâm dữ liệu: Đã phê duyệt Đề án nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) và Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh giai đoạn 2026 -2030, định hướng đến năm 2035; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 3380/KH-UBND ngày 10/7/2026 để triển khai.

- Kiến trúc, chiến lược dữ liệu: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 phê duyệt Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh; Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh tiếp tục ban hành Quyết định số 3732/QĐ-UBND ngày 07/9/2026 về Khung kiến trúc số tỉnh Quảng Trị, bảo đảm cập nhật theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0); và tổ chức tập huấn, phổ biến đến cấp xã.

- Hệ thống báo cáo: duy trì kết nối Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4263/KH-UBND ngày 28/8/2026, dự kiến đưa hệ thống báo cáo nâng cấp, liên thông cấp xã vào hoạt động trong tháng 10/2026.

- Hệ thống quản lý văn bản, thư điện tử công vụ, hội nghị truyền hình và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tiếp tục vận hành, kết nối Trung ương và cấp xã. 100% sở, ban, ngành, UBND cấp xã có cổng/trang thông tin điện tử. Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tại tonghopdl.quangtri.gov.vn bước đầu tích hợp, trực quan hóa dữ liệu kinh tế - xã hội.

- Văn phòng Tỉnh ủy đã tổ chức tập huấn, khai báo và triển khai họp chính thức trên phần mềm Phòng họp không giấy theo Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 22/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đối với 4 thủ tục hành chính của Đảng, thủ tục thu, nộp đảng phí có 4.973 tài khoản người dùng, 3.224 tài khoản ngân hàng tổ chức đảng; đã tập huấn và triển khai thí điểm theo hướng dẫn. Sổ tay đảng viên điện tử có 88.267/122.020 đảng viên cài đặt, sử dụng, đạt 72,34%; trong 4.590 chi bộ, có 2.388 đăng ký sinh hoạt thường

[3] Theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 519/BKHCN-CĐSQG ngày 28/01/2026

kỳ tháng 8, 1.412 đã đánh giá và gửi báo cáo sinh hoạt.

- Hạ tầng đã được mở rộng nhưng chất lượng thiết bị, kết nối dữ liệu và khả năng khai thác chưa đồng đều. Các hệ thống của bộ, ngành còn lỗi thanh toán, liên thông hộ tịch, đồng bộ hồ sơ; cán bộ phải đăng nhập nhiều hệ thống, tổng hợp báo cáo thủ công. Đây là những khâu cần ưu tiên xử lý để chuyển kết quả đầu tư thành hiệu quả phục vụ thực tế.

4. Xây dựng, làm sạch và khai thác dữ liệu số

Công tác chuẩn hóa, làm sạch và đồng bộ dữ liệu chuyên ngành tiếp tục được triển khai. Cụ thể:

- Hộ tịch: Chuyển lưu chính thức 1.805.717 dữ liệu; rà soát 12.733 dữ liệu kết hôn; rà soát 234.183/272.318 dữ liệu khai sinh, đạt 85,99%.

- Đất đai: Đến ngày 16/9/2026, đã đồng bộ 2.030.654/2.403.430 thửa đất, đạt 84,5%, lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

- Đảng viên: Đến ngày 15/9/2026, đã chuẩn hóa, làm sạch các trường thông tin cơ bản của 130.318/130.330 đảng viên, đạt 99,9%.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: Đã đồng bộ 45.934/45.934 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, đạt 100%, lên cơ sở dữ liệu quốc gia theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Học bạ số: Đồng bộ 332.635 học bạ, đạt 97,6%.

- Thu mẫu ADN thân nhân liệt sĩ chưa xác định danh tính: hoàn thành 03 đợt thu mẫu ADN thân nhân liệt sĩ chưa xác định danh tính, với 3.958/3.969 trường hợp, đạt 99,72%.

- Số hóa hồ sơ, tài liệu: Từ ngày 01/01 đến ngày 14/9/2026, khối Đảng đã số hóa 275.272 tài liệu, tương ứng 2.739.532 trang, tiếp tục thực hiện Đề án số hóa tài liệu lưu trữ giai đoạn 1930 - 2025. Khối chính quyền đã số hóa 728.626/1.061.147 trang A4 tài liệu lưu trữ lịch sử, đạt 68,66%, theo Kế hoạch số 301/KH-SNV và 302/KH-SNV ngày 23/01/2026; dữ liệu được quản lý trên phần mềm số hóa và quản lý hồ sơ lưu trữ của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh.

- Các cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên ngành tư pháp đã cập nhật 106 vi bằng, 128 thông tin ngăn chặn, 147 vụ việc xử lý vi phạm hành chính và 176 vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Thu nhận hồ sơ đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với 1.430.067/1.695.795 công dân từ đủ 06 tuổi, đạt 84,3%; trong đó, số công dân thường trú từ đủ 06 tuổi đăng ký mức độ 2 là 1.382.155 người. Đối với công dân từ đủ 14 tuổi, có 1.257.422/1.426.819 người đăng ký đạt 88,13% (chỉ tiêu giao là 81%); đăng ký mức độ 2 đạt 1.213.693/1.426.819 người, đạt 85,1%.

- Đăng ký chi trả qua tài khoản, không dùng tiền mặt tiếp tục vượt chỉ tiêu được giao: lương hưu, chế độ bảo hiểm xã hội đạt 70.648/76.102 người, đạt 92,8% (chỉ tiêu được giao là 91%); người có công đạt 27.269/33.606 người, đạt 81,14% (chỉ tiêu được giao là 70%); đối tượng bảo trợ xã hội đạt 68.416/120.822 người, đạt

56,6% (chỉ tiêu được giao là 40%).

5. Kinh tế số, xã hội số và an toàn thông tin

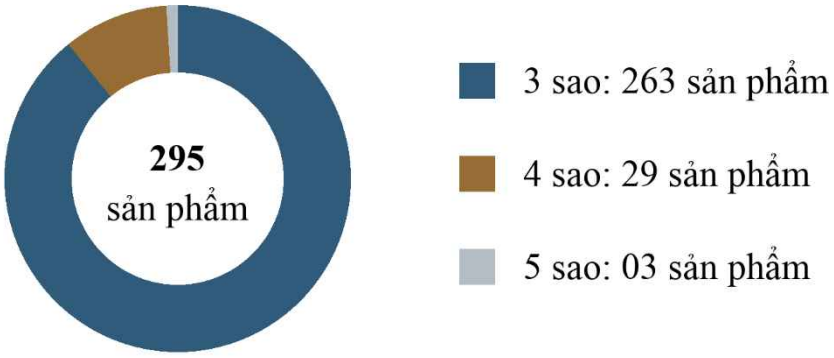
5.1. Kinh tế số và xã hội số

- Thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử và ứng dụng nền tảng số tiếp tục được triển khai trong sản xuất, kinh doanh, thanh toán học phí, viện phí và dịch vụ công. Các chủ thể OCOP tăng cường quảng bá, tiêu thụ sản phẩm qua Shopee, TikTok Shop, Facebook, Zalo.

- Đến tháng 9/2026, toàn tỉnh có 710 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp với hơn 114.000 thành viên; thành lập mới 10 HTX, đạt 100% kế hoạch. Có 107 HTX ứng dụng công nghệ cao, 205 HTX liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và 72 HTX có sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên. Doanh thu bình quân đạt hơn 1.400 triệu đồng/HTX, lợi nhuận khoảng 150 triệu đồng/HTX; trong 678 HTX được đánh giá, có 406 HTX xếp loại khá, tốt, đạt 59,9%.

- Đến ngày 24/9/2026, tỉnh có 295 sản phẩm OCOP còn thời hạn công nhận, gồm 03 sản phẩm 5 sao, 29 sản phẩm 4 sao và 263 sản phẩm 3 sao, thuộc 181 chủ thể. Đang tổ chức đánh giá 29 sản phẩm của 09 chủ thể và trình công nhận kết quả đánh giá lại đối với 09 sản phẩm.

Sản phẩm OCOP còn thời hạn công nhận đến 24/9/2026



- Ứng dụng QUANGTRI-S cung cấp 20 tính năng; đến ngày 15/9/2026 có 105.600 lượt cài đặt, 91.372 tài khoản, tỷ lệ cài đặt, kích hoạt đạt 6,5% dân số trưởng thành. Hệ thống ghi nhận 3.116 phản ánh, trong đó 2.734 phản ánh được tiếp nhận, chuyển xử lý, 382 phản ánh không đủ điều kiện tiếp nhận; còn 107 phản ánh đang xử lý. Trong 88 lượt đánh giá, có 48 lượt hài lòng (54,5%), 11 lượt chấp nhận (12,5%) và 29 lượt không hài lòng (33%).

- Phong trào "Bình dân học vụ số" và nền tảng đào tạo trực tuyến tiếp tục được duy trì. 78/78 xã, phường, đặc khu đã kiện toàn 917 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 9.543 thành viên, tập trung hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, Sổ sức khỏe điện tử, tài khoản an sinh xã hội và thanh toán không dùng tiền mặt, nhất là tại miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

5.2. An ninh mạng, an toàn thông tin

- Tiểu ban An ninh mạng tiếp tục triển khai rà soát, cảnh báo nguy cơ, kiểm tra, diễn tập và tập huấn an ninh mạng. Hoàn thành kiểm tra công tác bảo đảm an ninh mạng tại 05 đơn vị theo Kế hoạch số 07-KH/TBANM ngày 10/8/2026; tổ chức 07 cuộc diễn tập, gồm 01 cuộc cấp tỉnh và 06 cuộc tại các đơn vị, địa phương. Đã kiểm tra, dán tem an ninh, an toàn thông tin phục vụ triển khai hệ thống văn bản mật tại 79/93 đơn vị. Trong quý, phát hiện, hướng dẫn rà soát, khắc phục 20.000 vấn đề về an toàn thông tin; kiểm tra, đánh giá hơn 250 thiết bị phục vụ soạn thảo, gửi, nhận văn bản mật. Đến ngày 14/9/2026, đã kiểm tra 406 thiết bị của 116 tổ chức cơ sở đảng phục vụ số hóa hồ sơ, tạo lập dữ liệu đảng viên.

- Về hồ sơ cấp độ an toàn thông tin, đến ngày 14/9/2026 đã tiếp nhận 243 hồ sơ, phê duyệt 151 hồ sơ, tiếp tục hướng dẫn 92 hồ sơ; trong đó, 99/99 hồ sơ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã đã được phê duyệt.

6. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

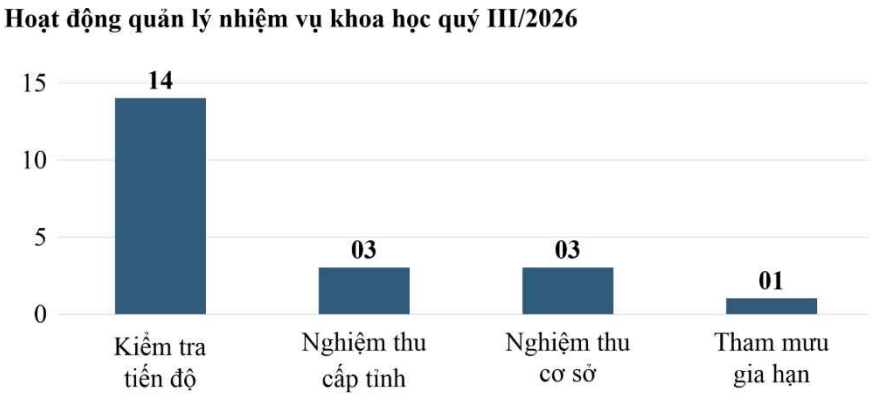
- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 07/7/2026, công bố **03 bài toán lớn**: phát triển chuỗi giá trị vật liệu bán dẫn từ cát trắng, thạch anh; hệ sinh thái năng lượng xanh, năng lượng tái tạo và công nghệ lưu trữ năng lượng; nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải dựa trên dữ liệu số. Đồng thời, đề xuất danh mục bài toán công nghệ chiến lược và xây dựng, hoàn thiện dự thảo Chương trình hợp tác với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030.

- Về năng lực hiện có: Toàn tỉnh có 25 tổ chức khoa học và công nghệ, 11 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, 65 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và trên 1.900 cán bộ nghiên cứu, trong đó có 102 tiến sĩ, 90 bác sĩ chuyên khoa II.

- Kết quả cụ thể:

+ Trong 9 tháng đầu năm 2026, đã tham gia ý kiến về công nghệ đối với 60 dự án đầu tư; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho 06 tổ chức, chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho 01 doanh nghiệp; có 598 sáng kiến, đề tài được công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và phạm vi ảnh hưởng toàn tỉnh; 77 văn bằng bảo hộ được cấp, 152 đơn đăng ký sở hữu công nghiệp. Riêng quý III/2026, đã tham gia ý kiến về công nghệ đối với 28 dự án; cấp chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Long Giang Thịnh; cấp, cấp thay đổi giấy chứng nhận đăng ký cho 04 tổ chức; công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng và phạm vi ảnh hưởng của 432 sáng kiến, đề tài ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2025 - 2026.

+ Rà soát 82 đề xuất nhiệm vụ và 02 đề xuất chuỗi nhiệm vụ năm 2026; xây dựng dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của Tổ chuyên gia tư vấn lựa chọn, đặt hàng. Trong quý, đã kiểm tra, đánh giá tiến độ 14 nhiệm vụ; tổ chức hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh 03 nhiệm vụ; tham dự 03 hội thảo khoa học, nghiệm thu cơ sở 03 nhiệm vụ và tham mưu gia hạn 01 nhiệm vụ. Trên 60% kết quả nhiệm vụ được nghiệm thu giai đoạn 2022 - 2026 đã được ứng dụng vào thực tiễn; đến tháng 9/2026, có 15 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh được công bố trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus/ISI.



Đơn vị: nhiệm vụ; không cộng gộp giữa các hoạt động.

+ Tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển thị trường công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo; thành lập Ban Tổ chức, ban hành Kế hoạch, thể lệ Cuộc thi Khởi nghiệp sáng tạo năm 2026. Đồng thời, tổ chức làm việc với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, khảo sát cung - cầu công nghệ, tập huấn sở hữu trí tuệ và phát triển thương hiệu địa phương.

+ Công tác an toàn bức xạ, hạt nhân được triển khai thông qua việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, Kế hoạch ứng phó và diễn tập sự cố năm 2026; thực hiện thẩm định, cấp phép, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Tóm lại, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng đã có kết quả nhưng thương mại hóa, nhân rộng còn hạn chế. Trọng tâm tiếp theo là cụ thể hóa 03 bài toán lớn thành nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, địa chỉ ứng dụng, sản phẩm và chỉ tiêu đo hiệu quả; không chỉ dừng ở ban hành kế hoạch, danh mục.

7. Nguồn lực tài chính và tiến độ giải ngân

Năm 2026, tỉnh bố trí 336,102 tỷ đồng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; gồm 163,065 tỷ đồng chi sự nghiệp và 173,037 tỷ đồng vốn đầu tư công ngân sách tỉnh. Trong nguồn đầu tư công, cấp tỉnh phân bổ 122,5 tỷ đồng, cấp xã 50,537 tỷ đồng; chưa bao gồm vốn đầu tư công ngân sách Trung ương chưa được giao. Đến ngày 28/9/2026, giải ngân đạt 63,504/336,102 tỷ đồng, (bằng 18,9% kế hoạch); trong đó, chi thường xuyên đạt 47,097/163,065 tỷ đồng (28,88%), đầu tư công đạt 16,407/173,037 tỷ đồng (9,48%). Theo cấp thực hiện, cấp tỉnh giải ngân 49,495 tỷ đồng, cấp xã 14,009 tỷ đồng. Riêng vốn đầu tư công năm 2025 chuyển sang, đến ngày 28/9/2026 đã giải ngân 7.131/7.272 triệu đồng (đạt 98%).

Tỷ lệ giải ngân đến 28/9/2026



- Tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư 25 dự án khởi công mới, tổng mức đầu tư giai đoạn 2026 - 2028 là 424,650 tỷ đồng. Đến ngày 24/9/2026, tiến độ chuẩn bị đầu tư và vốn năm 2026 tương ứng của các nhóm dự án như sau:

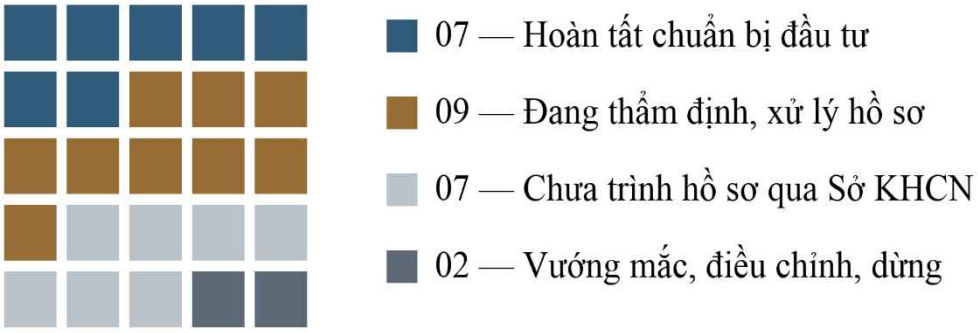
+ 07 dự án hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư: 63.500 triệu đồng.

+ 09 dự án đang thẩm định, xử lý hồ sơ: 23.700 triệu đồng.

+ 07 dự án chưa trình hồ sơ qua Sở Khoa học và Công nghệ: 17.300 triệu đồng.

+ 02 dự án còn vướng mắc, đề nghị điều chỉnh hoặc dừng: 4.000 triệu đồng.

Trạng thái 25 dự án khởi công mới đến 24/9/2026



Mỗi ô = 01 dự án

- Tiến độ giải ngân còn thấp, nhất là vốn đầu tư công; nhiều dự án chưa hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư. Cần tập trung hoàn thiện hồ sơ, tháo gỡ vướng mắc và xác định khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án.

- Dự kiến nhu cầu kinh phí năm 2027 là 870.784 triệu đồng, gồm 197.784 triệu đồng chi sự nghiệp và 673.000 triệu đồng đầu tư phát triển; trong đó, nguồn đầu tư phát triển dự kiến từ ngân sách địa phương 173.000 triệu đồng, ngân sách Trung ương 500.000 triệu đồng. Tỉnh đã đề xuất Trung ương hỗ trợ 1.000 tỷ đồng cho giai đoạn 2026 - 2030; phần hỗ trợ dự kiến cho năm 2026, 2027 chưa được cấp có thẩm quyền bố trí.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chất lượng theo dõi

Chất lượng, hiệu quả thực hiện giữa các ngành, địa phương chưa đồng đều, nhất là cấp xã; một số đơn vị chưa chủ động bố trí nguồn lực, phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện. Một số nhiệm vụ thuộc Chương trình công tác năm 2026 hoàn thành chậm; các nhiệm vụ đang triển khai cần tiếp tục phân loại theo thời hạn, sản phẩm đầu ra và khả năng hoàn thành để tập trung đôn đốc, xử lý.

Việc cập nhật tiến độ, kết quả và tài liệu minh chứng trên Hệ thống theo dõi nhiệm vụ chưa đồng đều; có nhiệm vụ được xác định hoàn thành nhưng nội dung mô tả, sản phẩm và minh chứng chưa tương ứng, chưa đủ cơ sở kiểm chứng. Đánh giá hằng tháng ở một số đơn vị còn thiên về tự đánh giá; dữ liệu theo dõi chưa được kết nối, cập nhật tự động, còn tổng hợp thủ công, thiếu công cụ phân tích, cảnh báo sớm nhiệm vụ chậm tiến độ.

2. Thể chế và nguồn nhân lực

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số còn vướng trong xác định vị trí việc làm, đối tượng và thời điểm hưởng hỗ trợ. Mặc dù tỉnh đã phê duyệt 39 trường hợp hưởng chế độ, gồm 17 công chức, 18 viên chức cấp tỉnh và 04 công chức cấp xã, việc rà soát, thống nhất danh mục vị trí việc làm và xác định đối tượng tại các cơ quan, đơn vị vẫn còn khó khăn. Nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở cơ sở còn thiếu; một số cán bộ được bố trí chưa phù hợp chuyên ngành đào tạo; cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao chưa đủ mạnh.

Các khối Đảng, HĐND, MTTQ và tổ chức chính trị - xã hội còn vướng về chủ quản hệ thống thông tin, thẩm quyền phê duyệt cấp độ và cơ chế hỗ trợ, thẩm tra kỹ thuật an ninh mạng, ảnh hưởng tiến độ hoàn thiện hồ sơ và cập nhật dữ liệu. Quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật dữ liệu, Quy chế bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh chưa được ban hành; trong đó, hồ sơ quy chế về dữ liệu cá nhân đã trình Sở Tư pháp thẩm định, quy chế về an ninh mạng đã được đề xuất thực hiện theo thủ tục rút gọn. Việc chuyển sang thực hiện các quy định mới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn phát sinh yêu cầu rà soát hồ sơ, thẩm quyền, chuẩn hóa biểu mẫu và quy trình đối với nhiệm vụ chuyển tiếp.

3. Hạ tầng, dữ liệu và dịch vụ công

Khoảng 54% máy tính hiện có chưa đáp ứng cấu hình kỹ thuật tối thiểu; thiết bị tại nhiều xã đã xuống cấp, tại thôn, tổ dân phố còn thiếu. Theo số liệu trong báo cáo, còn 03 bản và 04 điểm trường lõm sóng băng rộng di động; 19 thôn, bản chưa có điện lưới và 18 thôn, bản đã có điện nhưng chưa bảo đảm yêu cầu, gây khó khăn cho triển khai chuyển đổi số tại cơ sở.

Việc phân định trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương đối với nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung chưa cụ thể; một số đơn vị còn có xu hướng đầu tư hoặc thuê giải pháp riêng, tiềm ẩn nguy cơ trùng lặp, khó liên thông và tăng chi phí vận

hành. Đến ngày 14/9/2026, khối Đảng đã số hóa 275.272 tài liệu với 2.739.532 trang, **tỷ lệ được báo cáo là 10,05%**. Dữ liệu phục vụ theo dõi, điều hành còn phân tán, thiếu cơ chế kết nối, tổng hợp và khai thác thống nhất.

Trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, 06 ứng dụng công nghệ số đã đề xuất nhưng chưa được phân bổ kinh phí; cơ sở dữ liệu thủy lợi, phòng, chống thiên tai còn vận hành trên nền tảng riêng của 02 tỉnh trước sáp nhập, chưa có kinh phí tích hợp. Dữ liệu không gian ngành chưa tích hợp với nền tảng GIS dùng chung và IOC của tỉnh do IOC đang nâng cấp.

Một số hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của bộ, ngành còn lỗi thanh toán trực tuyến, liên thông hộ tịch và hiển thị dữ liệu; hồ sơ phát sinh trên nhiều nền tảng chưa được đồng bộ, tổng hợp tự động, làm tăng thao tác và thời gian xử lý. Trong quý III/2026, cấp xã tiếp nhận 20.799 hồ sơ trực tuyến, nhưng chỉ có 5.605 hồ sơ trực tuyến toàn trình, chiếm 26,95%; hồ sơ trực tuyến một phần còn chiếm 73,05%.

4. Năng lực khoa học, công nghệ và sự tham gia của doanh nghiệp

Toàn tỉnh hiện có 25 tổ chức khoa học và công nghệ, 11 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; năng lực nghiên cứu, chuyển giao và làm chủ công nghệ còn hạn chế, chưa hình thành doanh nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có vai trò dẫn dắt. Doanh nghiệp chủ yếu có quy mô nhỏ, chưa mạnh dạn đầu tư cho nghiên cứu, phát triển, đổi mới công nghệ và xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

Sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ còn chủ yếu ở giới thiệu, đề xuất giải pháp, cung cấp sản phẩm sẵn có; chưa chuyển mạnh sang phối hợp nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao và giải quyết các bài toán thực tiễn của tỉnh. Chưa hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung về năng lực, sản phẩm, giải pháp và mức độ tham gia của doanh nghiệp. Việc chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, dịch vụ có khả năng thương mại hóa, nhân rộng còn chậm; đánh giá, lượng hóa hiệu quả sau nghiên cứu chưa đầy đủ.

Quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh đang thực hiện thủ tục giải thể, chưa phát huy đầy đủ vai trò huy động nguồn lực xã hội. Cơ chế hỗ trợ vốn mồi và huy động doanh nghiệp cùng tham gia nguồn lực, chịu trách nhiệm về kết quả chưa được thiết kế đầy đủ; việc lựa chọn, hỗ trợ nhiệm vụ nghiên cứu chưa gắn chặt với nhu cầu thị trường và khả năng ứng dụng.

5. Tài chính và thủ tục đầu tư

Nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế so với nhu cầu đầu tư hạ tầng, nền tảng, cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ; một số nhiệm vụ phụ thuộc hỗ trợ của Trung ương, ảnh hưởng tính chủ động trong triển khai. Đến ngày 28/9/2026, giải ngân đạt 63,504/336,102 tỷ đồng, bằng 18,9% kế hoạch; trong đó, chi thường xuyên đạt 47,097/163,065 tỷ đồng, bằng 28,88%; đầu tư công đạt 16,407/173,037 tỷ đồng, bằng 9,48%.

Công tác chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện hồ sơ còn chậm. Đến ngày 24/9/2026, trong 25 dự án khởi công mới, có 07 dự án hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, 09 dự án đang thẩm định, xử lý hồ sơ, 07 dự án chưa trình hồ sơ qua Sở Khoa học và

Công nghệ và 02 dự án còn vướng mắc, đề nghị điều chỉnh hoặc dừng. Một số ngành đề nghị điều chỉnh danh mục sau đăng ký; dự án ứng dụng chuyên ngành phải trao đổi, xin ý kiến bộ, ngành để bảo đảm tương thích, tránh trùng lặp.

Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, mua sắm và hoàn thiện các yêu cầu kỹ thuật qua nhiều bước; việc thay đổi quy định, hướng dẫn làm kéo dài thời gian chuẩn bị và triển khai. Phối hợp sử dụng chung, tái sử dụng nền tảng, giải pháp và dữ liệu chưa đồng bộ; nguồn lực còn phân tán, thời gian giải ngân chủ yếu tập trung vào cuối năm.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐẾN HẾT NĂM 2026

Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ đến hạn trong năm 2026; ưu tiên xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ, vướng mắc ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đánh giá kết quả trên cơ sở sản phẩm, tài liệu minh chứng và hiệu quả thực tế, gắn trách nhiệm người đứng đầu. Với nhiệm vụ có thời hạn sau năm 2026, xác định phần việc, mốc tiến độ phải thực hiện trong quý IV; không đánh đồng tiến độ chuẩn bị với hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ. Cụ thể:

1. Tăng cường chỉ đạo, điều hành và kiểm soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát toàn bộ nhiệm vụ được giao, trọng tâm là 28 nhiệm vụ đang triển khai thuộc Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh và các nhiệm vụ còn lại thuộc Kế hoạch hành động 100 ngày. Trước ngày 15/10/2026, gửi Cơ quan Thường trực danh mục nhiệm vụ quá hạn, sắp đến hạn, có nguy cơ chậm; nêu rõ kết quả đã thực hiện, phần việc còn lại, nguyên nhân, trách nhiệm, thời hạn hoàn thành và đề xuất xử lý. Cơ quan Thường trực tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo trước ngày 20/10/2026, tiếp tục cập nhật để theo dõi, đôn đốc.

- Cơ quan Thường trực phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu hoàn thiện phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ đạo. Các Tổ giúp việc, Tổ công tác, Hội đồng tư vấn hoàn thiện nhân sự, quy chế hoạt động, phân công thành viên và điều kiện hoạt động trước ngày 15/10/2026.

- Cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu điều chỉnh bộ tiêu chí đánh giá trong tháng 11/2026, chú trọng tiến độ, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ rà soát khả năng khai thác các hệ thống hiện có, phấn đấu đưa bảng theo dõi, điều hành trực quan Nghị quyết số 57-NQ/TW vào vận hành trong tháng 11/2026, đáp ứng yêu cầu tổng hợp kết quả, xác định nhiệm vụ chậm và cảnh báo tiến độ.

- Các cơ quan thực hiện nhiệm vụ cập nhật thường xuyên, đầy đủ kết quả, sản phẩm và tài liệu minh chứng trên Hệ thống theodoinq.dcs.vn; hoàn thành tổng rà soát trước ngày 31/12/2026. Cơ quan Thường trực theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các trường hợp chưa bảo đảm yêu cầu; cơ quan cập nhật chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và kết quả thực hiện.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và bảo đảm nhân lực thực hiện

- UBND tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tham mưu hoàn thiện

Kế hoạch hành động số 09-KH/TU sửa đổi, bổ sung; xác định rõ nhiệm vụ, chỉ tiêu, cơ quan thực hiện và nguồn lực, bảo đảm phù hợp với yêu cầu mới và điều kiện của tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị, nhất là khối Đảng, HĐND, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, rà soát vị trí việc làm, xác định đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ chuyên trách chuyển đổi số; phối hợp cơ quan tổ chức, nội vụ, tài chính hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định và bố trí kinh phí chi trả. Nội dung chưa thống nhất phải tổng hợp, đề nghị hướng dẫn, không để kéo dài do thiếu chủ động rà soát.

- Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện hướng dẫn, biểu mẫu, quy trình xử lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chuyển tiếp; xác định rõ hồ sơ cần bổ sung, thẩm quyền giải quyết và trách nhiệm của từng cơ quan, bảo đảm không gián đoạn nhiệm vụ đang thực hiện.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu phương án cơ chế tài chính, huy động nguồn lực cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, báo cáo trước ngày 15/10/2026. Việc đề xuất mô hình quỹ phải làm rõ sự cần thiết, căn cứ, nguồn vốn và phương thức quản lý, phù hợp với quá trình xử lý Quỹ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện có.

3. Khắc phục thiếu hụt hạ tầng, thiết bị và nâng cao hiệu quả sử dụng nền tảng số

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh hoàn thành rà soát hệ thống thông tin, phần mềm, hạ tầng số trước ngày 20/10/2026; lập danh mục hệ thống tiếp tục sử dụng, dùng chung, nâng cấp, tích hợp hoặc đề xuất dừng, thay thế. Làm rõ đầu mối quản lý, trách nhiệm cập nhật, kết nối và khai thác dữ liệu; hoàn thiện, đưa Hệ thống báo cáo kinh tế - xã hội của tỉnh vào vận hành theo tiến độ được giao.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan sử dụng rà soát nhu cầu thiết bị, đối chiếu với hiện trạng và kinh phí đã bố trí; ưu tiên điều chuyển, nâng cấp, dùng chung hoặc thuê trước khi mua sắm mới. Tập trung bảo đảm thiết bị thiết yếu cho đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính, địa bàn khó khăn; hoàn thành các nội dung được giao trước ngày 30/11/2026, có danh mục, phương án xử lý và kết quả cụ thể.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Viettel và UBND cấp xã kiểm tra kết quả khắc phục các điểm lõm sóng đã báo cáo; xử lý dứt điểm các vị trí còn tồn tại trước ngày 30/10/2026. Kết quả phải thể hiện rõ vị trí, phạm vi phủ sóng và số liệu đo kiểm.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, ngành điện và các địa phương hoàn thiện phương án cấp điện cho 19 thôn, bản chưa có điện lưới và 18 thôn, bản có điện nhưng chưa bảo đảm yêu cầu trước ngày 30/10/2026. Phương án phải xác định nguồn vốn, thủ tục đầu tư, đơn vị thực hiện và các mốc tiến độ, làm cơ sở phấn đấu hoàn thành trước ngày 02/9/2027. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, địa phương rà

soát, tổ chức khắc phục các điểm thiếu điện phục vụ chuyển đổi số tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập theo nhiệm vụ của Kế hoạch hành động 100 ngày; xác định rõ giải pháp cấp điện tại chỗ, nguồn kinh phí, đơn vị thực hiện và kết quả hoàn thành trước ngày 30/11/2026.

4. Đẩy nhanh số hóa, làm sạch dữ liệu và nâng cao chất lượng dịch vụ công

- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì rà soát khối lượng hồ sơ, tài liệu khối Đảng còn phải số hóa, xác định thứ tự ưu tiên và tiến độ thực hiện. Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch cao điểm 100 ngày số hóa hồ sơ, tài liệu khối cơ quan nhà nước trước ngày 15/10/2026. Từng cơ quan phải xác định khối lượng hoàn thành trong quý IV, tổ chức kiểm tra chất lượng, thống kê kết quả và đưa dữ liệu vào tra cứu, sử dụng; bảo đảm lộ trình phấn đấu hoàn thành số hóa 100% hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi yêu cầu chậm nhất trong quý II/2027.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, UBND cấp xã thực hiện làm sạch dữ liệu đất đai theo chỉ tiêu, tiến độ được giao đến ngày 30/10/2026; theo dõi kết quả hằng tuần, lập danh sách trường hợp thiếu, sai lệch, chưa đồng bộ và phân công xử lý cụ thể. Phân biệt rõ khối lượng đến hạn trong tháng 10 với phần việc tiếp tục thực hiện theo lộ trình.

- Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ngành, địa phương rà soát, tái cấu trúc, cấu hình và kiểm thử 05 thủ tục hành chính ưu tiên trước ngày 30/11/2026, bảo đảm mục tiêu giảm tối thiểu 30% giấy tờ, thời gian hoặc thao tác nhập liệu. Kết quả phải có đối chiếu quy trình trước và sau cải tiến, làm rõ nội dung giảm và khả năng áp dụng thực tế. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan chuyên ngành và đơn vị vận hành lập danh mục lỗi thanh toán trực tuyến, liên thông hộ tịch, đồng bộ hồ sơ và khai thác báo cáo; xử lý nội dung thuộc thẩm quyền, kiến nghị bộ, ngành khắc phục lỗi của hệ thống tập trung. UBND cấp xã tăng cường hướng dẫn sử dụng dịch vụ công toàn trình đối với thủ tục đủ điều kiện, theo dõi kết quả bằng số hồ sơ thực tế.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát nhu cầu, khả năng tận dụng nền tảng sẵn có và tham mưu kinh phí cho 06 ứng dụng công nghệ số đã đề xuất. Sở Nông nghiệp và Môi trường chuẩn hóa dữ liệu thủy lợi, phòng, chống thiên tai và dữ liệu không gian ngành; Sở Khoa học và Công nghệ xác định phương án, tiến độ tích hợp với GIS dùng chung, IOC của tỉnh gắn với tiến độ nâng cấp hệ thống.

5. Cụ thể hóa các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành sản phẩm

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì:

- Cụ thể hóa nội dung hợp tác với Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam thành kế hoạch, chương trình triển khai trước ngày 15/10/2026; xác định nhiệm vụ ưu tiên, cơ quan phối hợp, sản phẩm, nguồn lực và tiến độ thực hiện.

- Trước ngày 30/10/2026, tham mưu UBND tỉnh phương án triển khai 03 bài toán lớn của tỉnh, xác định rõ đơn vị chủ trì, đối tác, nội dung nghiên cứu, sản phẩm,

nguồn lực và chỉ số đánh giá; phấn đấu có kết quả bước đầu trước ngày 31/12/2026. Việc lựa chọn nhiệm vụ phải gắn với nhu cầu thực tế, lợi thế của tỉnh, khả năng ứng dụng và sự tham gia của doanh nghiệp.

- Đến ngày 31/12/2026, hoàn thành yêu cầu lựa chọn, đăng ký sản phẩm theo nhiệm vụ NV032_TB246 và lựa chọn, triển khai, lượng hóa giá trị theo nhiệm vụ NV012_TB329, bảo đảm tối thiểu 01 sản phẩm trong năm 2026. Hồ sơ phải làm rõ doanh nghiệp tham gia, địa chỉ ứng dụng, nguồn lực, thời hạn và giá trị kinh tế - xã hội; kết quả từng nhiệm vụ được cập nhật, chứng minh riêng theo yêu cầu được giao.

- Rà soát nhiệm vụ nghiên cứu đang triển khai, ưu tiên kết quả có khả năng ứng dụng, chuyển giao và nhân rộng; kết nối doanh nghiệp, viện, trường theo từng bài toán cụ thể. Hoàn thiện thông tin về năng lực đối tác, sản phẩm, nhu cầu công nghệ và kết quả ứng dụng; gắn hỗ trợ với cam kết tiếp nhận, thử nghiệm và đánh giá hiệu quả. Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa phương và chủ thể sản xuất phát triển tài sản trí tuệ, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và truy xuất nguồn gốc theo nhiệm vụ được giao.

6. Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu

- Công an tỉnh chủ trì phối hợp Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật dữ liệu, Quy chế bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý nội dung còn vướng.

- Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin chịu trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ, tổ chức thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống theo quy định và tiến độ được giao, tập trung mốc ngày 30/11/2026. Công an tỉnh phối hợp hướng dẫn, tổng hợp vướng mắc về chủ quản, thẩm quyền phê duyệt và hỗ trợ kỹ thuật, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết. Đồng thời, rà quét, khắc phục lỗ hổng, kiểm tra phần mềm, thiết bị và việc bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu trong quá trình vận hành.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu phương án kinh phí xây dựng Trung tâm An ninh mạng tỉnh, báo cáo trước ngày 30/10/2026; làm rõ nhu cầu, nguồn vốn, khả năng cân đối và tiến độ bố trí. Công an tỉnh chuẩn bị các nội dung chuyên môn, phối hợp hoàn thiện thủ tục triển khai theo thẩm quyền.

7. Tháo gỡ thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân

- Các chủ đầu tư cập nhật tiến độ 25 dự án khởi công mới; tập trung triển khai 07 dự án đã hoàn thành thủ tục chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện hồ sơ đối với 09 dự án đang thẩm định và 07 dự án chưa trình; báo cáo phương án xử lý 02 dự án còn vướng mắc, đề nghị điều chỉnh hoặc dừng. Mỗi dự án phải có tiến độ hoàn thiện thủ tục, lựa chọn nhà thầu, thực hiện, nghiệm thu và thanh toán, xác định rõ cơ quan xử lý từng khâu.

- Sở Tài chính chủ trì theo dõi, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan thẩm định và chủ đầu tư tháo gỡ vướng mắc; kiểm đếm giải ngân theo từng dự án, đơn vị và nguồn vốn. Phấn đấu đạt tối thiểu 75% kế hoạch vốn được giao đến

ngày 30/10/2026 và 90% đến ngày 30/11/2026 theo chỉ đạo. Trên cơ sở mức giải ngân 18,9% đến ngày 28/9/2026, khẩn trương đánh giá khả năng đạt các mốc này; báo cáo ngay dự án có nguy cơ không đạt, nguyên nhân và biện pháp xử lý, bảo đảm giải ngân đúng hồ sơ, khối lượng và điều kiện thanh toán.

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh làm việc với các bộ, ngành về nguồn vốn hỗ trợ năm 2026 trước ngày 30/10/2026; hoàn thiện hồ sơ đề xuất và phương án sử dụng để triển khai khi được cấp có thẩm quyền phân bổ. Đồng thời, rà soát danh mục, nhu cầu kinh phí năm 2027, ưu tiên nhiệm vụ chuyển tiếp, nhiệm vụ cấp thiết và tránh đầu tư trùng lặp.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát và chuẩn bị nhiệm vụ chuyển tiếp

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tiếp tục giám sát thường xuyên, triển khai các cuộc kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch; tập trung nhiệm vụ chậm tiến độ, chất lượng sản phẩm, tính chính xác của số liệu, tài liệu minh chứng và trách nhiệm người đứng đầu. Cơ quan được kiểm tra, giám sát phải xây dựng phương án khắc phục, xác định thời hạn và báo cáo kết quả thực hiện.

- Trong quý IV/2026, các cơ quan chủ trì lập tiến độ, nguồn lực và sản phẩm cho nhiệm vụ chuyển tiếp. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu kế hoạch phát triển, nâng hiệu quả sử dụng QUANGTRI-S, hướng tới mục tiêu tối thiểu 30% dân số trưởng thành sử dụng trong quý II/2027; chuẩn bị các phần việc về đô thị thông minh theo hạn ngày 30/6/2028. Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xác định phần việc, nguồn lực và sản phẩm phải hoàn thành trong quý IV/2026 đối với nhiệm vụ triển khai khu công nghiệp công nghệ số, khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung, bảo đảm tiến độ chung đến ngày 30/6/2028.

(Kèm theo chi tiết các nhiệm vụ cần triển khai tại Phụ lục V)

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý. Cơ quan Thường trực, theo dõi, tổng hợp, đôn đốc và tham mưu Ban Chỉ đạo xử lý vướng mắc liên ngành, vượt thẩm quyền; không thay thế trách nhiệm thực hiện của cơ quan chủ trì. Kết quả thực hiện và khắc phục hạn chế là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

Nơi nhận:
- Ban Chỉ đạo 57 Trung ương *(để báo cáo)*;
- Đ/c Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng BCĐ *(để báo cáo);*
- Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc;
- HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;
- Thành viên BCĐ, Tổ Giúp việc;
- Lưu Ban Chỉ đạo.

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
kiêm
PHÓ TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

Nguyễn Thanh Liêm